

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI GNC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI GNC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GNC MANUFACTURING AND BUSINESS TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GNC CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110068360

**3. Ngày thành lập:** 21/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1, Ngõ 1 Hoàng Ngọc Phách, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989101412

Fax:

Email: [gnc.cp2022@gmail.com](mailto:gnc.cp2022@gmail.com)

Website: [candles.vn](http://candles.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                              | 4610        |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                            | 4641        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn dược phẩm)                                                                                                                                                                                                                                  | 4649        |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                     | 4669        |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ tổ chức hợp báo và hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                         | 8230        |
| 6.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8292        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                             | 8299        |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất. | 7410(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ đầu giá)                                                                                                          | 4719 |
| 10. | Sản xuất sợi                                                                                                                                                              | 1311 |
| 11. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                     | 1312 |
| 12. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                   | 1313 |
| 13. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                   | 1391 |
| 14. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                    | 1392 |
| 15. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                  | 1393 |
| 16. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                         | 1394 |
| 17. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                    | 1399 |
| 18. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                            | 1410 |
| 19. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                          | 1420 |
| 20. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                      | 1430 |
| 21. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                             | 1511 |
| 22. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                            | 1512 |
| 23. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                        | 1520 |
| 24. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                 | 1820 |
| 25. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                    | 2023 |
| 26. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                    | 2029 |
| 27. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu                                                                                                                                     | 2420 |
| 28. | Sản xuất đồng hồ                                                                                                                                                          | 2652 |
| 29. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                  | 4782 |
| 30. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>( Không bao gồm: -Hoạt động của đầu giá viên,-Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;-Bán lẻ tem và tiền kim khí;) | 4789 |
| 31. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet ( Trừ đầu giá)                                                                                                    | 4791 |
| 32. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu ( Trừ đầu giá)                                                                                                               | 4799 |
| 33. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>( Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                   | 5210 |
| 34. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                          | 5224 |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>( Trừ vận tải hàng không)                                                                                          | 5229 |
| 36. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                                                                                | 3211 |
| 37. | Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                                                                            | 3212 |
| 38. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4751 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 39. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4771 |
| 40. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ nước hoa, nước thơm<br>- Bán lẻ mỹ phẩm: Son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác;<br>- Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: Nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm... | 4772 |
| 41. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh ( Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 40.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG DUY PHONG Giới tính: Nam  
Chức danh: Giám đốc  
Sinh ngày: 14/12/1993 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001093004421  
Ngày cấp: 08/12/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội  
Địa chỉ thường trú: Tổ 7, Tổ dân phố Tiên Trượng, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Địa chỉ liên lạc: Số 51 Vĩnh Phúc, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội